TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/LĐ-PT
Ngày: 17/12/2025
V/v: "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.
- Các Thẩm phán: 1/ Ông Vũ Thế Phương.
2/ Ông Nguyễn Xuân Quang.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/LĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 1820/TB-TA ngày 02/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 1 E, K, phường A, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại điện theo uỷ quyền: Nguyễn Trung H1, sinh năm 1998 (theo Văn bản uỷ quyền số: 000203 quyển số 03/2021 TP/CC-SC/HĐGD ngày 06/3/2021).

Địa chỉ: Số A, V, phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Luật sư Vũ Duy N, Luật sư Phạm Phương T, Luật sư Nguyễn Đức Đ – Công ty TNHH MTV Y thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: A V, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

Địa chỉ: Số F, đường B, Khu công nghiệp B, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TETSUJI KOBAYASHI.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số G, tổ F, khu phố A, phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B H, khu phố D, phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T2 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H2, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số B H, khu phố D, phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 24/11/2025).

Ông H, ông H1, luật sư Đ, ông T1 có mặt; luật sư T, luật sư N, bà H2 có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1 trình bày:

Vào tháng 12/1998, ông H và Công ty B ký kết hợp đồng lao động, vị trí làm việc là thợ hàn áp lực. Sau ngày 14/3/2005, Công ty B đổi tên thành Công ty TNHH K. Trong quá trình làm việc đến năm 2011 ông được đề bạt lên làm Trưởng ban – Ban chế tạo 2 của Công ty TNHH K.

Đến ngày 10/10/2019, Công ty ra quyết định bãi nhiệm chuyển ông H về làm tại vị trí thợ chế tạo máy, từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019 là hết 60 ngày làm việc tại vị trí thợ máy chế tạo nhưng Công ty không chuyển ông H về vị trí trưởng ban. Theo khoản 1 Điều 31 Luật lao động 2012. Công ty đã chuyển ông làm việc tại vị trí thợ máy quá 60 ngày cộng dồn trong năm mà không được sự đồng ý của ông là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngày 16/11/2020 ông đã làm đơn kiến nghị gửi chủ tịch Công đoàn cơ sở, Tổng giám đốc Công ty để đề nghị công ty xem xét và giải quyết về quyết định chuyển việc trên. Ngày 26/11/2020, Công ty đã tổ chức cuộc họp với thành phần tham dự gồm ban lãnh đạo công ty, công đoàn công ty và ông. Trong biên bản cuộc họp công ty cho rằng đã ra quyết định chuyển công việc trên là đúng quy định pháp luật.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc Công ty phải chuyển ông H về làm việc lại vị trí trưởng ban và phục hồi lương, trợ cấp bị cắt.

- Công ty phải thanh toán khoản tiền lương, tiền trợ cấp, tiền thưởng, tiền đóng bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch giữa vị trí làm việc thợ chế tạo và trị trí trưởng ban từ tháng 10/2019 đến tháng 06/2021 cụ thể:

Tiền lương chênh lệch giữa 2 vị trí: 1.500.000đ x 20 tháng = 30.000.000đ.

Tiền thưởng tháng thứ 13: 1.500.000đ x 2 tháng = 3.000.000 đồng.

Tổng cộng là 33.000.000đ.

- Buộc công ty phải đóng bổ sung tiền bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch là: 20 tháng x 1.500.000đ x 32% = 9.600.000đ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Ông H bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 15/11/1997, sau thử việc đến ngày 15/12/1997 thì được giao kết hợp đồng lao động thời hạn 02 lần. Sau đó, chuyển thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tiền lương hiện tại của ông H là 14.428.000đ/tháng.

Năm 2011, ông H được bổ nhiệm làm trưởng ban chế tạo 2, nhưng do năng lực hạn chế, nên mắc nhiều sai phạm. Đến ngày 10/10/2019, công ty B1 chức vụ và chuyển ông H về vị trí cũ là thợ chế tạo máy. Đồng thời, công ty K cũng cắt khoản tiền trợ cấp công việc 1.500.000đ của ông H, vì ông H đã không còn làm quản lý.

Tuy nhiên, đến tháng 2/2021, ông H mới khởi kiện tranh chấp trợ cấp công việc tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động 2012; khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động lao động năm 2019 (Từ ngày 10/10/2019 đến 02/2021).

Về tiền lương tổng thu nhập của ông H như sau:

Tháng 9/2019 là 27.325.648 đồng; tháng 10/2019 là 25.320.972 đồng; về tiền thưởng 2019 trên cơ sở mức lương căn bản tháng 12/2019 ông H được thưởng là 12.866.000đ. Tiền đóng BHXH, BHTN của ông H tháng 10/2019 là 12.866.000đ, tháng 02/2020 là 13.738.000đ.

Về căn cứ pháp lý việc công ty bãi chức vụ của ông H: Căn cứ tình hình sản xuất, căn cứ mức độ hoàn thành công việc của ông H trong 06 tháng từ tháng 01 đến tháng 7/2019 ông H không đạt yêu cầu cấp quản lý, nên công ty bãi nhiệm. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì Công ty không đồng ý. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ bà Đinh Thị Phương H2 trình bày:

Ông Lê Xuân H, sinh ngày 30/8/1963, mã số Bảo hiểm 4798101244, có quá trình tham gia đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiển tai nạn lao động (BHTNLĐ), bệnh nghề nghiệp (BNN) tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K từ tháng 01/1998 đến tháng 6/2021, đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2021 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (tên cũ: Công ty B2). Ông Lê Xuân H hưởng chế độ hưu trí từ tháng 01/2022 đến nay.

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-BHXH ngày 09/02/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ V/v hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của ông H, trong đó có bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội thể hiện thời gian, chức danh và mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của ông H).

Ông H yêu cầu Công ty K đóng Bảo hiểm bổ sung tiền BHXH bị chênh lệch từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có ý kiến: Trong trường hợp nếu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH K phải phục hồi lương cho ông H theo như ông H yêu cầu thì Công ty TNHH K phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN phần chênh lệch theo mức tiền lương đóng BHXH cho ông H và tiền lãi truy thu theo quy định.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Đức Đ:

1. Quyết định bãi nhiệm chức vụ Trưởng Ban chế tạo 2 của công ty K đối với nguyên đơn là hành vi tùy tiện, không có căn cứ pháp luật.

Thứ nhất, Công ty không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc bãi nhiệm, việc ban hành quyết định bãi nhiệm mà không dựa trên một căn cứ pháp lý nào là không có cơ sở, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc quản lý lao động minh bạch, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Thứ hai: Công ty sử dụng email trao đổi công việc làm căn cứ bãi nhiệm là sai bản chất pháp lý và mâu thuẫn với đánh giá nội bộ.

Thứ ba: Công ty K không tổ chức họp ba bên là vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động và quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thứ tư: Quyết định bãi nhiệm không nêu lý do và không được giao hợp pháp cho người lao động.

2. Về thời hiệu khởi kiện.

Thứ nhất: Thời hiệu chưa phát sinh. Công ty đã không chứng minh được việc giao quyết định hợp pháp có biên bản bàn giao.

Thứ hai: Thời gian dịch bệnh COVID-19 không tính vào thời hiệu.

Do đó, thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

3. Nguyên đơn không vi phạm kỷ luật và hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của chính công ty. Không có bất kỳ biên bản xử lý kỷ luật nào trong suốt quá trình công tác của ông H và theo bảng đánh giá năm 2019, ông được xếp loại C – mức hoàn thành nhiệm vụ.

4. Hành vi làm việc thực tế của nguyên đơn – ông H không đồng nghĩa với sự chấp thuận pháp lý đối với vị trí công việc mới.

5. Thiệt hại của nguyên đơn do quyết định bãi nhiệm trái pháp luật.

Việc điều chuyển và bãi nhiệm trái pháp luật đã khiến ông H bị thiệt hại trực tiếp về thu nhập và chế độ bảo hiểm:

Chênh lệch lương chức vụ: 1.500.000 đồng/tháng × 20 tháng = 30.000.000 đồng Tiền thưởng tháng 13 tính theo chức vụ: 3.000.000 đồng.

Phần bảo hiểm bắt buộc tương ứng mức thu nhập: 9.600.000 đồng.

Đây không phải là khoản "bồi thường" mà là quyền lợi đương nhiên ông được hưởng nếu không có quyết định bãi nhiệm trái pháp luật.

6. Đề nghị.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Lê Xuân H và buộc Công ty TNHH K phải:

Thanh toán tiền lương, tiền trợ cấp, tiền thưởng, tiền đóng bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch giữa vị trí làm việc thợ chế tạo và vị trí trưởng ban từ tháng 10/2019 đến tháng 06/2021. Cụ thể:

- Tiền lương chênh lệch giữa 2 vị trí: 1.500.000 đồng x 20 tháng = 30.000.000 đồng (1).

- Tiền thưởng tháng thứ 13: 1.500.000 đồng x 2 tháng= 3.000.000 đồng (2).

Tổng cộng (1) + (2): 33.000.000 đồng.

- Đóng bổ sung tiền bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch là: 20 tháng x 1.500.000 đồng x 32% = 9.600.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/LĐ-ST ngày 09-6-2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân H3 đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc "Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2025, ông Lê Xuân H là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, việc thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt niêm yết cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Hợp đồng lao động ngày 01/12/1997 giữa Công ty và ông H là loại Hợp đồng không xác định thời hạn, nội dung công việc ông H phải làm là công nhân kỹ thuật chứ không phải là Trưởng ban chế tạo. Lời trình bày của các bên thể hiện ngoài hợp

đồng lao động thì giữa Công ty và ông H không ký thỏa thuận nào khác về vị trí công việc; Qịnh bổ nhiệm và Quyết định miễn nhiệm của Công ty về chức danh Trưởng ban chế tạo đối với ông H dựa trên nhu cầu của công ty khi xem xét năng lực làm việc của ông H và việc này không có thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký.

Do vậy, Công ty chuyển ông H về vị trí công việc là công nhân kỹ thuật theo đúng hợp đồng lao động là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động quy định tại Điều 6 Bộ luật Lao động năm 2012.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/11/2020, Công ty tổ chức cuộc họp và không chấp nhận đề nghị của ông H, đến ngày 10/12/2020 ông H khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012.

Như vậy, Bản án sơ thẩm số 17/2025 ngày 9/6/2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân H là đúng quy định của pháp luật.

Nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Xuân H không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2025 ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

Về án phí: Ông H thuộc trường hợp miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Xuân H thực hiện trong hạn luật định, thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[3] Về thời hiệu giải quyết vụ án:

Công ty TNHH K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông H đã ký nhận quyết định bãi nhiệm. Đến ngày 16/11/2020, nguyên đơn mới biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 26/11/2020, Công ty tổ chức cuộc họp và không chấp nhận đề nghị của ông H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ngày 16/11/2020, nguyên đơn mới biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên cấp sơ thẩm xác định vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 là có căn cứ.

[4] Nội dung kháng cáo.

Ngày 01/12/1997, ông Lê Xuân H ký hợp đồng lao động, vào làm việc tại Công ty B với công việc là thợ hàn. Sau ngày 14/3/2005, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH K. Đến năm 2011, ông H được bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban – Ban chế tạo 2 của Công ty TNHH K. Đến ngày 10/10/2019, Công ty ra quyết định bãi nhiệm đối với ông H từ Trưởng ban – Ban chế tạo 2 thành nhân viên tổ lắp 7 Ban lắp ráp 2 Phòng chế tạo. Ông H tiếp tục đảm nhiệm công việc tại vị trí thợ chế tạo máy. Hết 60 ngày, từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019 nhưng Công ty không chuyển ông H về vị trí Trưởng ban, không phục hồi lương, trợ cấp bị cắt nên phát sinh tranh chấp.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty và ông H ngày 01 tháng 12 năm 1997, thì ông H làm việc tại vị trí thợ hàn áp lực. Ngày 05/3/2011, ông H được bổ nhiệm chức danh trưởng ban chế tạo. Ngoài quyết định bổ nhiệm, giữa Công ty và ông H không ký kết hợp đồng lao động mới hoặc phụ lục hợp đồng lao động liên quan đến việc bổ nhiệm chức vụ này. Ngày 02/01/2019, Công ty đã có thông báo với nội dung tạo điều kiện cho các nhân viên phòng chế tạo thông qua các Trưởng ban với thời hạn là 06 tháng để cải tiến về chất lượng công việc, nhưng hết thời hạn trên hiệu quả công việc vẫn không thay đổi. Do đó, ngày 10/10/2019, Công ty TNHH K đã ban hành quyết định bãi nhiệm chức danh quản lý của ông H, ngoài ra Công ty còn bãi nhiệm chức vụ của các trưởng ban khác.

Trong Nội quy lao động của Công ty được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền không có bất kỳ điều khoản hay nội dung nào quy định về việc bãi nhiệm chức vụ khi không đạt được hiệu quả tốt về công việc mà chỉ có quy định về hình thức kỷ luật Cách chức. Do đó, Quyết định bãi nhiệm ngày 10/10/2019 không phải là quyết định kỷ luật lao động.

Kể từ thời điểm bị bãi nhiệm chức Trưởng ban thành nhân viên tổ máy cho đến trước ngày 16/11/2020, ông H phải làm công việc khác, nhận mức tổng thu nhập thấp hơn so với tổng thu nhập trước thời điểm bị bãi nhiệm nhưng ông H vẫn không có ý kiến gì, không khiếu nại, thắc mắc gì với Công ty hay với Công đoàn cơ sở, mà vẫn tiếp tục chấp nhận làm công việc của nhân viên tổ máy, nên đây được coi là trường hợp mặc nhiên đồng ý với quyết định bãi nhiệm của Công ty.

Ngoài ra, theo bảng lương của ông Lê Xuân H cung cấp (BL 276, 277) thì lương cơ bản cố định hàng tháng là 12.326.000 đồng, tháng 9/2019, ông H còn được lĩnh các khoản phụ cấp, trong đó có 1.500.000 đồng là tiền phụ cấp trách nhiệm và đến tháng 10/2019 ông H không được lĩnh tiền phụ cấp trách nhiệm nữa. Như vậy, số tiền phụ cấp 1.500.000 đồng ông H được lãnh do được bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban, không phải tiền lương.

Việc Công ty B3 và bãi miễn chức Trưởng ban đối với ông Lê Xuân H là căn cứ vào nhu cầu công việc của Công ty. Sau khi bãi miễn chức vụ, ông H về làm việc tại vị trí theo đúng hợp đồng lao động hai bên đã ký, không nhận bất kỳ hình thức kỷ luật lao động nào. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc Công ty phải chuyển ông H về làm việc lại vị trí Trưởng ban và phục hồi lương, trợ cấp bị cắt; thanh toán khoản tiền lương, tiền trợ cấp, tiền thưởng,

tiền đóng bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch giữa vị trí làm việc thợ chế tạo và trị trí Trưởng ban từ tháng 10/2019 đến tháng 06/2021; buộc công ty phải đóng bổ sung tiền bảo hiểm bắt buộc bị chênh lệch là có căn cứ. Ông H kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Ông H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi tích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Xuân H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/LĐ-ST ngày 09-6-2025 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

2/ Căn cứ Điều 32, 35, 39, 68, 157, 220, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 31, 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân H đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc "Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội".

Về án phí: Ông Lê Xuân H thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm, án phí lao động phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND T. Đồng Nai;
- TAND khu vực 1 – Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Trung